

Số: 16/2018/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật).

2. Thông tư này không điều chỉnh việc xây dựng, thẩm tra, thẩm định tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường để đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến cung cấp dịch vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là kết quả đánh giá về mức độ hài lòng của cơ quan quản lý nhà nước đối với dịch vụ đó thông qua các tiêu chí đánh giá.

2. Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là các nội dung, yêu cầu dùng để đánh giá chất lượng dịch vụ đối với từng công đoạn của dịch vụ.

3. Chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là công cụ đo lường một phần cụ thể của tiêu chí đánh giá, được thể hiện bằng con số, tỷ số.

Chương II

TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VỀ XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA, QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Tiêu chí đánh giá

1. Tiêu chí 1: Thông tin, dữ liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Tiêu chí 2: Nhân lực cho xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Tiêu chí 3: Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

4. Tiêu chí 4: Hồ sơ đề nghị thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tiếp thu, chỉnh sửa sau thẩm tra.

5. Tiêu chí 5: Hồ sơ gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

6. Tiêu chí 6: Hoàn thiện hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đề nghị đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật.

7. Tiêu chí 7: Thái độ chấp hành theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 5. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 1

1. Chỉ số đánh giá:

- a) Thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- b) Hệ thống máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Căn cứ đánh giá:

- a) Báo cáo hiện trạng, đề án, thông tin nguồn tài liệu tham khảo làm căn cứ lập thuyết minh xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- b) Báo cáo thống kê, báo cáo hiện trạng máy móc, trang thiết bị, phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 6. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 2

1. Chỉ số đánh giá:

- a) Số lượng nhân lực trực tiếp tham gia xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- b) Chất lượng nhân lực trực tiếp thực hiện xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Căn cứ đánh giá:

- a) Số liệu thống kê, hồ sơ nhân sự và hợp đồng lao động, hợp đồng thuê chuyên gia của tổ chức cung ứng dịch vụ;
- b) Năng lực tổ chức, cá nhân xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (văn bằng, đúng chuyên môn, kỹ thuật); số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phân bổ nhân lực.

Điều 7. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 3

1. Chỉ số đánh giá:

- a) Quy trình thành lập Tổ biên soạn xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- b) Quá trình biên soạn dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- c) Quy trình lấy ý kiến tổ chức, cá nhân và báo cáo hoàn chỉnh;
- d) Thời gian lập hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn từ khi lấy ý kiến dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Căn cứ đánh giá:

- a) Hồ sơ thành lập Tổ biên soạn xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- b) Báo cáo quá trình biên soạn dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- c) Tính hợp lý danh sách các tổ chức, cá nhân lấy ý kiến; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý;
- d) Chất lượng dự thảo trong quá trình xây dựng, mức độ tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 8. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 4

1. Chỉ số đánh giá:

- a) Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề nghị thẩm tra;
- b) Thời gian đề nghị thẩm tra tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật từ khi hoàn thiện dự thảo sau khi lấy ý kiến (tính từ thời điểm gửi hồ sơ lên Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ); số lần trình hoàn thiện sau khi có ý kiến của Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ);
- c) Thời gian chỉnh sửa dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi có ý kiến thẩm tra;
- d) Hồ sơ hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi thẩm tra theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP.

2. Căn cứ đánh giá:

- a) Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề nghị thẩm tra;
- b) Tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục đề nghị thẩm tra tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- c) Tuân thủ quy định về thời gian gửi hồ sơ đề nghị thẩm tra tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

d) Giải trình thẩm tra và hoàn thiện sau thẩm tra;

đ) Thời gian hoàn thiện hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi thẩm tra để gửi lên Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi Bộ gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định.

Điều 9. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 5

1. Chỉ số đánh giá:

a) Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định;

b) Tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục, yêu cầu đối với cơ quan xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về việc đề nghị thẩm định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

c) Hồ sơ báo cáo hoàn thiện, chỉnh sửa dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

d) Thời gian hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau thẩm định.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định;

b) Tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục, yêu cầu đối với cơ quan xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về việc thẩm định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

c) Tuân thủ quy định về thời gian hoàn thiện, chỉnh sửa hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi có ý kiến thẩm định tiêu chuẩn, quy chuẩn;

d) Tính hợp lý và chính xác của bản giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

đ) Tuân thủ thời gian hoàn thiện hồ sơ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 10. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 6

1. Chỉ số đánh giá:

a) Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đề nghị đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật;

b) Quy trình đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đề nghị đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đề nghị đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật;

b) Thời gian đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đề nghị đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 11. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 7

1. Chỉ số đánh giá là mức độ hợp tác trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật với cơ quan quản lý nhà nước đối với dịch vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Mức độ sẵn sàng đáp ứng phục vụ theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước đối với dịch vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

b) Thái độ chấp hành theo đúng quy định về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 12. Đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Việc đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo phương thức chấm điểm. Thang điểm đánh giá là 100. Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, chỉ số và thể hiện chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công được đánh giá theo 04 mức:

a) Tốt: đạt từ 80 điểm trở lên, trong đó tổng số điểm của từng tiêu chí phải đạt từ 70% số điểm tối đa của tiêu chí trở lên;

b) Khá: đạt từ 60 điểm đến dưới 80 điểm, trong đó tổng số điểm của từng tiêu chí phải đạt từ 60% số điểm tối đa của tiêu chí trở lên;

c) Đạt: đạt từ 50 điểm đến dưới 60 điểm, trong đó tổng số điểm của các tiêu chí tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 phải đạt từ 50% số điểm tối đa của tiêu chí trở lên;

d) Không đạt khi tổng số điểm nhỏ hơn 50 điểm.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.
2. Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội; VP Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp)
- Các Đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website của Bộ;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, KHCN.

Handwritten initials/signature

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục**TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo thông tư số 16/2018/TT-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm tối đa (100 điểm)	Căn cứ đánh giá
1	Tiêu chí 1: Thông tin, dữ liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	12	a) Báo cáo hiện trạng, đề án, thông tin nguồn tài liệu tham khảo làm căn cứ lập thuyết minh xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. b) Báo cáo thống kê, báo cáo hiện trạng máy móc, trang thiết bị, phòng thí nghiệm phù hợp với yêu cầu xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
a	Thông tin, dữ liệu, đề án, báo cáo hiện trạng phục vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;	5	
	- Thông tin, dữ liệu đầy đủ, đáp ứng yêu cầu, báo cáo hiện trạng có số liệu cập nhật tin cậy, có nguồn gốc chính thống	5	
	- Thông tin, dữ liệu đáp ứng yêu cầu nhưng chưa đầy đủ, báo cáo hiện trạng có số liệu cập nhật tin cậy, có nguồn gốc chính thống	3	
	- Không đủ đáp ứng về thông tin, nguồn gốc số liệu không tin cậy	0	
b	Nghiên cứu, cơ sở khoa học, luận cứ cho việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	2	
	- Đầy đủ	2	
	- Chưa đầy đủ	0	
c	Hệ thống máy móc, thiết bị; Phòng thí nghiệm phục vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;	5	
	- Có hệ thống máy móc, thiết bị đáp ứng, phục vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	4	
	- Có phòng thí nghiệm phục vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	1	
	- Không đủ đáp ứng	0	
2	Tiêu chí 2: Nhân lực cho xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn	10	
a	Số lượng nhân lực trực tiếp tham gia xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	4	a) Số liệu thống kê, hồ sơ nhân sự và hợp đồng lao động, hợp đồng thuê

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm tối đa (100 điểm)	Căn cứ đánh giá
	- Trên 80% nhân lực trong đơn vị	2	chuyên gia của tổ chức cung ứng dịch vụ. b) Năng lực tổ chức/cá nhân xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (văn bản, đúng chuyên môn, kỹ thuật); số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phân bổ nhân lực
	- Có từ 01 đến 03 chuyên gia, tiến sĩ	1	
	- Tuân thủ số công cho phép trong xây dựng dự thảo 01 tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật	1	
b	Chất lượng nhân lực trực tiếp thực hiện xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	6	
	- Có bằng cấp đúng lĩnh vực xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; có trình độ Đại học trở lên <i>Từ 80% trở lên: 3 điểm</i> <i>Từ 60-80%: 2 điểm</i> <i>Từ 40-60%: 1 điểm</i> <i>Dưới 40%: 0 điểm</i>	3	
	- Có kinh nghiệm trên 03 năm trong xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực chuyên môn	3	
	- Không đáp ứng	0	
3	Tiêu chí 3: Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	23	a) Hồ sơ thành lập Tổ biên soạn xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; b) Báo cáo quá trình biên soạn dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; c) Tính hợp lý danh sách các tổ chức, cá nhân lấy ý kiến; báo cáo giải trình, hoàn thiện; d) Chất lượng dự thảo trong quá trình xây dựng, mức độ tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo
a	Quy trình thành lập Tổ biên soạn xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007; Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018.	5	
	- Đúng quy định	5	
	- Không đúng quy định	0	
b	Quá trình biên soạn dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;	6	
	- Thu thập, tổng hợp, đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến Dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, có báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của Dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	4	
	Có thu thập, tổng hợp, đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp	2	

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm tối đa (100 điểm)	Căn cứ đánh giá
	luật hiện hành có liên quan đến Dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật		
	Có báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của Dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	2	
	Không có thu thập, tổng hợp, báo cáo khảo sát	0	
	- Tổ chức biên soạn dự thảo tiêu chuẩn; bố cục trình bày nội dung tiêu chuẩn theo quy định tại các tiêu chuẩn: TCVN 1-1:2015, TCVN 6709-1:2007 (ISO/IEC Guide 21-1:2005) và TCVN 6709-2:2007 (ISO/IEC Guide 21--2:2005); Thông tư 23/2007/TT-BKHCN; Thông tư số 30/2011/TT-BKHCN; TCVN1-2:2008 Xây dựng tiêu chuẩn - Phần 2: Quy định về trình bày và thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia	2	
	- Không theo đúng quy định	0	
c	Quy trình lấy ý kiến, hoàn chỉnh theo quy định Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP	6	
	- Đúng quy định	6	
	- Không đúng quy định	0	
d	Thời gian lập hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật từ khi lấy ý kiến góp ý	6	
	- Từ 60 đến 80 ngày	6	
	- Trên 80 ngày	0	
4	Tiêu chí 4: Hồ sơ đề nghị thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tiếp thu, chỉnh sửa sau thẩm tra	15	
a	Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề nghị thẩm tra theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007; Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018.	5	
	- Đầy đủ	5	
	- Không đầy đủ	0	
			a) Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề nghị thẩm tra; b) Tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục đề nghị thẩm tra tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; c) Tuân thủ quy định về thời gian

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm tối đa (100 điểm)	Căn cứ đánh giá
b	Thời gian đề nghị thẩm tra tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật từ khi hoàn thiện dự thảo sau khi lấy ý kiến góp ý	3	gửi hồ sơ đề nghị thẩm tra tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đ) Giải trình thẩm tra và hoàn thiện sau thẩm tra; đ) Thời gian hoàn thiện hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi thẩm tra để gửi lên Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi Bộ gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định.
	- Thời gian gửi hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật lên Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ sau khi lấy ý kiến góp ý	1	
	Dưới 10 ngày	1	
	Trên 10 ngày	0	
	- Số lần trình phải chỉnh sửa, hoàn thiện sau khi có ý kiến của Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ)	2	
	1 lần	2	
	Từ 2 đến 3 lần	1	
	Trên 3 lần	0	
c	Thời gian chỉnh sửa dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi có ý kiến thẩm tra	2	
	- Dưới 7 ngày	2	
	- Từ 7 đến 15 ngày	1	
	- Trên 15 ngày	0	
d	Hồ sơ hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi thẩm tra theo quy định Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP	5	
	- Tuân thủ quy định, báo cáo hoàn thiện sau thẩm tra đầy đủ	5	
	- Tuân thủ quy định, báo cáo hoàn thiện sau thẩm tra phải hoàn thiện lại	3	
	- Không tuân thủ	0	
5	Tiêu chí 5: Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định	20	a) Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định; b) Tuân thủ quy
a	Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP; Nghị định số	7	

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm tối đa (100 điểm)	Căn cứ đánh giá
	78/2018/NĐ-CP		định về trình tự, thủ tục, yêu cầu đối với cơ quan xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về việc đề nghị thẩm định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
	- Đầy đủ theo quy định	7	
	- Không đầy đủ	0	
b	Thời gian gửi hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật lên Bộ Tài nguyên và Môi trường sau khi thẩm tra	3	
	- Dưới 7 ngày	3	c) Tuân thủ quy định về thời gian hoàn thiện, chỉnh sửa hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi có ý kiến thẩm định tiêu chuẩn, quy chuẩn;
	- Từ 7 đến 15 ngày	2	d) Tính hợp lý và chính xác của bản giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
	- Trên 15 ngày	0	đ) Tuân thủ thời gian hoàn thiện hồ sơ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật.
c	Hồ sơ báo cáo hoàn thiện, chỉnh sửa dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định	7	
	- Đầy đủ	7	
	- Không đầy đủ	0	
d	Thời gian hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sau thẩm định	3	
	- Trước 15 ngày	3	
	- Sau 15 ngày	0	
6	Tiêu chí 6: Hoàn thiện hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đề nghị đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật theo quy định Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP	10	a) Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đề nghị đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật;
a	Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đề nghị đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật	5	b) Thời gian đề nghị cơ quan có

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm tối đa (100 điểm)	Căn cứ đánh giá	
	- Đầy đủ	5	thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đề nghị đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật.	
	- Không đầy đủ	0		
b	Quy trình đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn, đề nghị đưa vào chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với quy chuẩn kỹ thuật	5		
	- Đúng quy định	5		
	- Không đúng quy định	0		
7	Tiêu chí 7: Thái độ chấp hành theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.	10	a) Mức độ sẵn sàng đáp ứng phục vụ theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước đối với dịch vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; b) Thái độ chấp hành theo đúng quy định về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.	
a	Mức độ sẵn sàng đáp ứng phục vụ theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước đối với dịch vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	5		
	- Đáp ứng	5		
	- Không đáp ứng	0		
b	Thái độ chấp hành theo quy định về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	5		
	- Tốt	5		
	- Đạt	3		
	- Không tốt	0		
	Tổng số	100		

